

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2024 của UBND Thành phố)

| STT | Tên cơ quan, đơn vị                        | CHỈ TIÊU HDLD ĐƯỢC GIAO NĂM 2024 |                                                                        |                                     |                                                                                |                             | SỐ LDHD HIỆN CÓ      |                                                                        |                                     |                                                                                | SỐ CHỈ TIÊU CÒN CHƯA SỬ DỤNG |                        |                                                                        |                                     |                                                                                | KẾ HOẠCH NĂM 2025           |                        |                                                                        |             |                       |                            |             |                            | Ghi chú     |         |                            |         |                            |
|-----|--------------------------------------------|----------------------------------|------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------|------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------|------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------|----------------------------|-------------|----------------------------|-------------|---------|----------------------------|---------|----------------------------|
|     |                                            | Tổng cộng                        | Khối cơ quan, tổ chức hành chính (HDLD theo ND111 làm hồ trợ, phục vụ) | Khối đơn vị sự nghiệp               |                                                                                |                             | Tổng cộng            | Khối cơ quan, tổ chức hành chính (HDLD theo ND111 làm hồ trợ, phục vụ) | Khối đơn vị sự nghiệp               |                                                                                |                              | Tổng cộng              | Khối cơ quan, tổ chức hành chính (HDLD theo ND111 làm hồ trợ, phục vụ) | Khối đơn vị sự nghiệp               |                                                                                |                             | Tổng cộng              | Khối cơ quan, tổ chức hành chính (HDLD theo ND111 làm hồ trợ, phục vụ) |             | Khối đơn vị sự nghiệp |                            |             |                            |             |         |                            |         |                            |
|     |                                            |                                  |                                                                        | HDLD theo ND111 làm hồ trợ, phục vụ | HDLD làm chuyên môn, nghiệp vụ tại các đơn vị do NSNN đảm bảo (y tế; giáo dục) | HDLD định mức (làm cỏ nuôi) |                      |                                                                        | HDLD theo ND111 làm hồ trợ, phục vụ | HDLD làm chuyên môn, nghiệp vụ tại các đơn vị do NSNN đảm bảo (y tế; giáo dục) | HDLD định mức (làm cỏ nuôi)  |                        |                                                                        | HDLD theo ND111 làm hồ trợ, phục vụ | HDLD làm chuyên môn, nghiệp vụ tại các đơn vị do NSNN đảm bảo (y tế; giáo dục) | HDLD định mức (làm cỏ nuôi) |                        |                                                                        |             | Tổng số               | Tăng/ giảm so với năm 2024 | Tổng số     | Tăng/ giảm so với năm 2024 |             | Tổng số | Tăng/ giảm so với năm 2024 | Tổng số | Tăng/ giảm so với năm 2024 |
|     |                                            |                                  |                                                                        |                                     |                                                                                |                             |                      |                                                                        |                                     |                                                                                |                              |                        |                                                                        |                                     |                                                                                |                             |                        |                                                                        |             |                       |                            |             |                            |             |         |                            |         |                            |
| 1   | 2                                          | 3=(4)+(5)+(6)+(7)                | 4                                                                      | 5                                   | 6                                                                              | 7                           | 8=(9)+(10)+(11)+(12) | 9                                                                      | 10                                  | 11                                                                             | 12                           | 13=(14)+(15)+(16)+(17) | 14                                                                     | 15                                  | 16                                                                             | 17                          | 18=(19)+(21)+(23)+(25) | 19                                                                     | 20=(19)-(4) | 21                    | 22                         | 23=(22)-(5) | 24                         | 25=(14)-(6) | 26      | 27=(26)-(7)                | 28      |                            |
|     | TOÀN THÀNH PHỐ                             | 22 335                           | 1 440                                                                  | 10 408                              | 2 374                                                                          | 8 113                       | 18 475               | 1 224                                                                  | 8 743                               | 1 541                                                                          | 6 967                        | 3 860                  | 216                                                                    | 1 665                               | 833                                                                            | 1 146                       | 22 838                 | 1 440                                                                  |             | 21 398                | 10 478                     | 70          | 2 807                      | 433         | 8 113   |                            |         |                            |
| 1   | Khối Sở, ngành                             | 3 146                            | 867                                                                    | 2 256                               | 7                                                                              | 16                          | 2 695                | 733                                                                    | 1 946                               |                                                                                | 16                           | 451                    | 134                                                                    | 310                                 | 7                                                                              |                             | 3 140                  | 867                                                                    |             | 2 273                 | 2 250                      | - 6         | 7                          |             | 16      |                            |         |                            |
| 2   | Khối đơn vị sự nghiệp thuộc UBND Thành phố | 132                              |                                                                        | 132                                 |                                                                                |                             | 94                   |                                                                        | 94                                  |                                                                                |                              | 38                     |                                                                        | 38                                  |                                                                                |                             | 132                    |                                                                        |             | 132                   | 132                        |             |                            |             |         |                            |         |                            |
| 3   | Khối UBND quận, huyện, thị xã              | 19 057                           | 573                                                                    | 8 020                               | 2 367                                                                          | 8 097                       | 15 686               | 491                                                                    | 6 703                               | 1 541                                                                          | 6 951                        | 3 371                  | 82                                                                     | 1 317                               | 826                                                                            | 1 146                       | 19 566                 | 573                                                                    |             | 18 993                | 8 096                      | 76          | 2 800                      | 433         | 8 097   |                            |         |                            |
| A   | Khối Sở, ngành                             | 3 146                            | 867                                                                    | 2 256                               | 7                                                                              | 16                          | 2 695                | 733                                                                    | 1 946                               |                                                                                | 16                           | 451                    | 134                                                                    | 310                                 | 7                                                                              |                             | 3 140                  | 867                                                                    |             | 2 273                 | 2 250                      | - 6         | 7                          |             | 16      |                            |         |                            |
| 1   | Văn phòng UBND Thành phố                   | 57                               | 56                                                                     | 1                                   |                                                                                |                             | 48                   | 47                                                                     | 1                                   |                                                                                |                              | 9                      | 9                                                                      |                                     |                                                                                |                             | 53                     | 52                                                                     | - 4         | 1                     | 1                          |             |                            |             |         |                            |         |                            |
| 2   | Các cơ quan thuộc HDND Thành phố           | 17                               | 17                                                                     |                                     |                                                                                |                             | 16                   | 16                                                                     |                                     |                                                                                |                              | 1                      | 1                                                                      |                                     |                                                                                |                             | 17                     | 17                                                                     |             |                       |                            |             |                            |             |         |                            |         |                            |
| 3   | Sở Thông tin và Truyền thông               | 16                               | 13                                                                     | 3                                   |                                                                                |                             | 13                   | 10                                                                     | 3                                   |                                                                                |                              | 3                      | 3                                                                      |                                     |                                                                                |                             | 16                     | 13                                                                     |             | 3                     | 3                          |             |                            |             |         |                            |         |                            |
| 4   | Sở Nội vụ                                  | 44                               | 34                                                                     | 10                                  |                                                                                |                             | 29                   | 20                                                                     | 9                                   |                                                                                |                              | 15                     | 14                                                                     | 1                                   |                                                                                |                             | 44                     | 34                                                                     |             | 10                    | 10                         |             |                            |             |         |                            |         |                            |
| 5   | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn     | 280                              | 181                                                                    | 99                                  |                                                                                |                             | 269                  | 178                                                                    | 91                                  |                                                                                |                              | 11                     | 3                                                                      | 8                                   |                                                                                |                             | 286                    | 186                                                                    | 5           | 100                   | 100                        | 1           |                            |             |         |                            |         |                            |
| 6   | Sở Công Thương                             | 28                               | 20                                                                     | 8                                   |                                                                                |                             | 19                   | 11                                                                     | 8                                   |                                                                                |                              | 9                      | 9                                                                      |                                     |                                                                                |                             | 28                     | 20                                                                     |             | 8                     | 8                          |             |                            |             |         |                            |         |                            |
| 7   | Sở Kế hoạch và Đầu tư                      | 19                               | 17                                                                     | 2                                   |                                                                                |                             | 12                   | 11                                                                     | 1                                   |                                                                                |                              | 7                      | 6                                                                      | 1                                   |                                                                                |                             | 19                     | 17                                                                     |             | 2                     | 2                          |             |                            |             |         |                            |         |                            |
| 8   | Sở Tài chính                               | 15                               | 12                                                                     | 3                                   |                                                                                |                             | 11                   | 8                                                                      | 3                                   |                                                                                |                              | 4                      | 4                                                                      |                                     |                                                                                |                             | 15                     | 12                                                                     |             | 3                     | 3                          |             |                            |             |         |                            |         |                            |
| 9   | Sở Xây dựng                                | 22                               | 22                                                                     |                                     |                                                                                |                             | 14                   | 14                                                                     |                                     |                                                                                |                              | 8                      | 8                                                                      |                                     |                                                                                |                             | 22                     | 22                                                                     |             |                       |                            |             |                            |             |         |                            |         |                            |
| 10  | Sở Giao thông vận tải                      | 300                              | 290                                                                    | 10                                  |                                                                                |                             | 286                  | 276                                                                    | 10                                  |                                                                                |                              | 14                     | 14                                                                     |                                     |                                                                                |                             | 300                    | 290                                                                    |             | 10                    | 10                         |             |                            |             |         |                            |         |                            |
| 11  | Sở Khoa học và Công nghệ                   | 34                               | 19                                                                     | 15                                  |                                                                                |                             | 19                   | 7                                                                      | 12                                  |                                                                                |                              | 15                     | 12                                                                     | 3                                   |                                                                                |                             | 27                     | 7                                                                      | - 12        | 20                    | 20                         | 5           |                            |             |         |                            |         |                            |
| 12  | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội        | 1 135                            | 18                                                                     | 1 117                               |                                                                                |                             | 1 010                | 13                                                                     | 997                                 |                                                                                |                              | 125                    | 5                                                                      | 120                                 |                                                                                |                             | 1 119                  | 22                                                                     | 4           | 1 097                 | 1 097                      | - 20        |                            |             |         |                            |         |                            |
| 13  | Sở Giáo dục và Đào tạo                     | 559                              | 20                                                                     | 523                                 |                                                                                | 16                          | 491                  | 13                                                                     | 462                                 |                                                                                | 16                           | 68                     | 7                                                                      | 61                                  |                                                                                |                             | 559                    | 20                                                                     |             | 539                   | 523                        |             |                            |             | 16      |                            |         |                            |
| 14  | Sở Y tế                                    | 308                              | 33                                                                     | 268                                 | 7                                                                              |                             | 253                  | 22                                                                     | 231                                 |                                                                                |                              | 55                     | 11                                                                     | 37                                  | 7                                                                              |                             | 314                    | 33                                                                     |             | 281                   | 274                        | 6           | 7                          |             |         |                            |         |                            |
| 15  | Sở Văn hóa và Thể thao                     | 202                              | 16                                                                     | 186                                 |                                                                                |                             | 124                  | 14                                                                     | 110                                 |                                                                                |                              | 78                     | 2                                                                      | 76                                  |                                                                                |                             | 202                    | 16                                                                     |             | 186                   | 186                        |             |                            |             |         |                            |         |                            |
| 16  | Sở Du lịch                                 | 9                                | 9                                                                      |                                     |                                                                                |                             | 7                    | 7                                                                      |                                     |                                                                                |                              | 2                      | 2                                                                      |                                     |                                                                                |                             | 9                      | 9                                                                      |             |                       |                            |             |                            |             |         |                            |         |                            |
| 17  | Sở Tư pháp                                 | 18                               | 13                                                                     | 5                                   |                                                                                |                             | 18                   | 13                                                                     | 5                                   |                                                                                |                              |                        |                                                                        |                                     |                                                                                |                             | 18                     | 13                                                                     |             | 5                     | 5                          |             |                            |             |         |                            |         |                            |
| 18  | Sở Ngoại vụ                                | 8                                | 8                                                                      |                                     |                                                                                |                             | 8                    | 8                                                                      |                                     |                                                                                |                              |                        |                                                                        |                                     |                                                                                |                             | 8                      | 8                                                                      |             |                       |                            |             |                            |             |         |                            |         |                            |
| 19  | Sở Tài nguyên và Môi trường                | 17                               | 14                                                                     | 3                                   |                                                                                |                             | 8                    | 8                                                                      |                                     |                                                                                |                              | 9                      | 6                                                                      | 3                                   |                                                                                |                             | 17                     | 14                                                                     |             | 3                     | 3                          |             |                            |             |         |                            |         |                            |

| STT | Tên cơ quan, đơn vị                                             | CHỈ TIÊU HDLD ĐƯỢC GIAO NĂM 2024 |                                                                        |                                     |                                                                                |                             | SỐ LDHD HIỆN CÓ |                                                                        |                                     |                                                                                | SỐ CHỈ TIÊU CÒN CHƯA SỬ DỤNG |           |                                                                        |                                     | KẾ HOẠCH NĂM 2025                                                              |                             |           |                                                                        |     |                       |                                     |                                                                                |                            |                             | Ghi chú |                            |         |
|-----|-----------------------------------------------------------------|----------------------------------|------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|-----------|------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------|------------------------------------------------------------------------|-----|-----------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------------|---------|----------------------------|---------|
|     |                                                                 | Tổng cộng                        | Khối cơ quan, tổ chức hành chính (HDLD theo ND111 làm hồ trợ, phục vụ) | Khối đơn vị sự nghiệp               |                                                                                |                             | Tổng cộng       | Khối cơ quan, tổ chức hành chính (HDLD theo ND111 làm hồ trợ, phục vụ) | Khối đơn vị sự nghiệp               |                                                                                |                              | Tổng cộng | Khối cơ quan, tổ chức hành chính (HDLD theo ND111 làm hồ trợ, phục vụ) | Khối đơn vị sự nghiệp               |                                                                                |                             | Tổng cộng | Khối cơ quan, tổ chức hành chính (HDLD theo ND111 làm hồ trợ, phục vụ) |     | Khối đơn vị sự nghiệp |                                     |                                                                                |                            |                             |         |                            |         |
|     |                                                                 |                                  |                                                                        | HDLD theo ND111 làm hồ trợ, phục vụ | HDLD làm chuyên môn, nghiệp vụ tại các đơn vị do NSNN đảm bảo (y tế; giáo dục) | HDLD định mức (làm cỏ nuôi) |                 |                                                                        | HDLD theo ND111 làm hồ trợ, phục vụ | HDLD làm chuyên môn, nghiệp vụ tại các đơn vị do NSNN đảm bảo (y tế; giáo dục) | HDLD định mức (làm cỏ nuôi)  |           |                                                                        | HDLD theo ND111 làm hồ trợ, phục vụ | HDLD làm chuyên môn, nghiệp vụ tại các đơn vị do NSNN đảm bảo (y tế; giáo dục) | HDLD định mức (làm cỏ nuôi) |           |                                                                        |     | Tổng cộng             | HDLD theo ND111 làm hồ trợ, phục vụ | HDLD làm chuyên môn, nghiệp vụ tại các đơn vị do NSNN đảm bảo (y tế; giáo dục) |                            | HDLD định mức (làm cỏ nuôi) |         |                            |         |
|     |                                                                 |                                  |                                                                        |                                     |                                                                                |                             |                 |                                                                        |                                     |                                                                                |                              |           |                                                                        |                                     |                                                                                |                             |           |                                                                        |     |                       |                                     | Tổng số                                                                        | Tăng/ giảm so với năm 2024 | Tổng số                     |         | Tăng/ giảm so với năm 2024 | Tổng số |
| 20  | Sở Quy hoạch kiến trúc                                          | 18                               | 15                                                                     | 3                                   |                                                                                |                             | 13              | 10                                                                     | 3                                   |                                                                                | 5                            | 5         |                                                                        |                                     |                                                                                | 18                          | 15        |                                                                        | 3   | 3                     |                                     |                                                                                |                            |                             |         |                            |         |
| 21  | Thanh tra Thành phố                                             | 8                                | 8                                                                      |                                     |                                                                                |                             | 5               | 5                                                                      |                                     |                                                                                | 3                            | 3         |                                                                        |                                     |                                                                                | 10                          | 10        | 2                                                                      |     |                       |                                     |                                                                                |                            |                             |         |                            |         |
| 22  | Ban Dân tộc                                                     | 8                                | 8                                                                      |                                     |                                                                                |                             | 7               | 7                                                                      |                                     |                                                                                | 1                            | 1         |                                                                        |                                     |                                                                                | 8                           | 8         |                                                                        |     |                       |                                     |                                                                                |                            |                             |         |                            |         |
| 23  | Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất                     | 9                                | 9                                                                      |                                     |                                                                                |                             | 9               | 9                                                                      |                                     |                                                                                |                              |           |                                                                        |                                     |                                                                                | 11                          | 9         |                                                                        | 2   | 2                     | 2                                   |                                                                                |                            |                             |         |                            |         |
| 24  | Ban Quản lý khu công nghệ cao Hòa Lạc                           | 7                                | 7                                                                      |                                     |                                                                                |                             | 6               | 6                                                                      |                                     |                                                                                | 1                            | 1         |                                                                        |                                     |                                                                                | 7                           | 7         |                                                                        |     |                       |                                     |                                                                                |                            |                             |         |                            |         |
| 25  | Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố                     | 8                                | 8                                                                      |                                     |                                                                                |                             |                 |                                                                        |                                     |                                                                                | 8                            | 8         |                                                                        |                                     |                                                                                | 13                          | 13        | 5                                                                      |     |                       |                                     |                                                                                |                            |                             |         |                            |         |
| B   | Khối đơn vị sự nghiệp thuộc UBND Thành phố                      | 132                              |                                                                        | 132                                 |                                                                                |                             | 94              |                                                                        | 94                                  |                                                                                | 38                           |           | 38                                                                     |                                     |                                                                                | 132                         |           |                                                                        | 132 | 132                   |                                     |                                                                                |                            |                             |         |                            |         |
| 1   | Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội                    | 85                               |                                                                        | 85                                  |                                                                                |                             | 55              |                                                                        | 55                                  |                                                                                | 30                           |           | 30                                                                     |                                     |                                                                                | 85                          |           |                                                                        | 85  | 85                    |                                     |                                                                                |                            |                             |         |                            |         |
| 2   | Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch thành phố Hà Nội | 12                               |                                                                        | 12                                  |                                                                                |                             | 9               |                                                                        | 9                                   |                                                                                | 3                            |           | 3                                                                      |                                     |                                                                                | 12                          |           |                                                                        | 12  | 12                    |                                     |                                                                                |                            |                             |         |                            |         |
| 3   | Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội              | 4                                |                                                                        | 4                                   |                                                                                |                             | 3               |                                                                        | 3                                   |                                                                                | 1                            |           | 1                                                                      |                                     |                                                                                | 4                           |           |                                                                        | 4   | 4                     |                                     |                                                                                |                            |                             |         |                            |         |
| 4   | Trường Đại học Thủ đô                                           | 24                               |                                                                        | 24                                  |                                                                                |                             | 24              |                                                                        | 24                                  |                                                                                |                              |           |                                                                        |                                     |                                                                                | 24                          |           |                                                                        | 24  | 24                    |                                     |                                                                                |                            |                             |         |                            |         |
| 5   | Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội                               | 3                                |                                                                        | 3                                   |                                                                                |                             | 2               |                                                                        | 2                                   |                                                                                | 1                            |           | 1                                                                      |                                     |                                                                                | 3                           |           |                                                                        | 3   | 3                     |                                     |                                                                                |                            |                             |         |                            |         |
| 6   | Trường Cao đẳng Công đồng Hà Nội                                | 4                                |                                                                        | 4                                   |                                                                                |                             | 1               |                                                                        | 1                                   |                                                                                | 3                            |           | 3                                                                      |                                     |                                                                                | 4                           |           |                                                                        | 4   | 4                     |                                     |                                                                                |                            |                             |         |                            |         |
| C   | Khối UBND quận, huyện, thị xã                                   | 19 057                           | 573                                                                    | 8 020                               | 2 367                                                                          | 8 097                       | 15 686          | 491                                                                    | 6 703                               | 1 541                                                                          | 6 951                        | 3 371     | 82                                                                     | 1 317                               | 826                                                                            | 1 146                       | 19 566    | 573                                                                    |     | 18 993                | 8 096                               | 76                                                                             | 2 800                      | 433                         | 8 097   |                            |         |
| 1   | UBND Quận Hoàn Kiếm                                             | 331                              | 28                                                                     | 193                                 |                                                                                | 110                         | 247             | 24                                                                     | 157                                 |                                                                                | 66                           | 84        | 4                                                                      | 36                                  |                                                                                | 44                          | 331       | 28                                                                     |     | 303                   | 193                                 |                                                                                |                            |                             | 110     |                            |         |
| 2   | UBND Quận Hai Bà Trưng                                          | 509                              | 32                                                                     | 264                                 | 20                                                                             | 193                         | 450             | 31                                                                     | 263                                 | 14                                                                             | 142                          | 59        | 1                                                                      | 1                                   | 6                                                                              | 51                          | 527       | 32                                                                     |     | 495                   | 270                                 | 6                                                                              | 32                         | 12                          | 193     |                            |         |
| 3   | UBND Quận Ba Đình                                               | 375                              | 18                                                                     | 211                                 |                                                                                | 146                         | 341             | 13                                                                     | 200                                 |                                                                                | 128                          | 34        | 5                                                                      | 11                                  |                                                                                | 18                          | 378       | 18                                                                     |     | 360                   | 214                                 | 3                                                                              |                            |                             | 146     |                            |         |
| 4   | UBND Quận Đống Đa                                               | 504                              | 28                                                                     | 276                                 |                                                                                | 200                         | 393             | 20                                                                     | 226                                 |                                                                                | 147                          | 111       | 8                                                                      | 50                                  |                                                                                | 53                          | 507       | 28                                                                     |     | 479                   | 279                                 | 3                                                                              |                            |                             | 200     |                            |         |
| 5   | UBND Quận Tây Hồ                                                | 279                              | 17                                                                     | 115                                 | 31                                                                             | 116                         | 234             | 13                                                                     | 108                                 | 26                                                                             | 87                           | 45        | 4                                                                      | 7                                   | 5                                                                              | 29                          | 284       | 17                                                                     |     | 267                   | 115                                 |                                                                                | 36                         | 5                           | 116     |                            |         |
| 6   | UBND Quận Thanh Xuân                                            | 442                              | 18                                                                     | 157                                 | 76                                                                             | 191                         | 203             | 16                                                                     | 49                                  |                                                                                | 138                          | 239       | 2                                                                      | 108                                 | 76                                                                             | 53                          | 366       | 18                                                                     |     | 348                   | 157                                 |                                                                                |                            | - 76                        | 191     |                            |         |
| 7   | UBND Quận Cầu Giấy                                              | 409                              | 17                                                                     | 158                                 | 47                                                                             | 187                         | 394             | 17                                                                     | 146                                 | 47                                                                             | 184                          | 15        |                                                                        | 12                                  |                                                                                | 3                           | 437       | 17                                                                     |     | 420                   | 164                                 | 6                                                                              | 69                         | 22                          | 187     |                            |         |
| 8   | UBND quận Hoàng Mai                                             | 496                              | 17                                                                     | 241                                 |                                                                                | 238                         | 441             | 17                                                                     | 227                                 |                                                                                | 197                          | 55        |                                                                        | 14                                  |                                                                                | 41                          | 499       | 17                                                                     |     | 482                   | 244                                 | 3                                                                              |                            |                             | 238     |                            |         |
| 9   | UBND Quận Long Biên                                             | 811                              | 6                                                                      | 267                                 | 174                                                                            | 364                         | 538             | 4                                                                      | 203                                 | 102                                                                            | 229                          | 273       | 2                                                                      | 64                                  | 72                                                                             | 135                         | 819       | 6                                                                      |     | 813                   | 285                                 | 18                                                                             | 164                        | - 10                        | 364     |                            |         |
| 10  | UBND Quận Nam Từ Liêm                                           | 348                              | 20                                                                     | 146                                 |                                                                                | 182                         | 269             | 18                                                                     | 128                                 |                                                                                | 123                          | 79        | 2                                                                      | 18                                  |                                                                                | 59                          | 360       | 20                                                                     |     | 340                   | 158                                 | 12                                                                             |                            |                             | 182     |                            |         |
| 11  | UBND Quận Bắc Từ Liêm                                           | 405                              | 20                                                                     | 180                                 |                                                                                | 205                         | 394             | 19                                                                     | 170                                 |                                                                                | 205                          | 11        | 1                                                                      | 10                                  |                                                                                | 417                         | 20        |                                                                        | 397 | 192                   | 12                                  |                                                                                |                            |                             | 205     |                            |         |
| 12  | UBND Quận Hà Đông                                               | 901                              | 20                                                                     | 269                                 | 191                                                                            | 421                         | 576             | 19                                                                     | 155                                 | 47                                                                             | 355                          | 325       | 1                                                                      | 114                                 | 144                                                                            | 66                          | 775       | 20                                                                     |     | 755                   | 272                                 | 3                                                                              | 62                         | - 129                       | 421     |                            |         |
| 13  | UBND Huyện Thanh Trì                                            | 824                              | 18                                                                     | 322                                 | 138                                                                            | 346                         | 610             | 15                                                                     | 299                                 | 16                                                                             | 280                          | 214       | 3                                                                      | 23                                  | 122                                                                            | 66                          | 774       | 18                                                                     |     | 756                   | 325                                 | 3                                                                              | 85                         | - 53                        | 346     |                            |         |
| 14  | UBND Huyện Gia Lâm                                              | 687                              | 23                                                                     | 301                                 | 73                                                                             | 290                         | 556             | 19                                                                     | 226                                 | 50                                                                             | 261                          | 131       | 4                                                                      | 75                                  | 23                                                                             | 29                          | 748       | 23                                                                     |     | 725                   | 307                                 | 6                                                                              | 128                        | 55                          | 290     |                            |         |

| STT | Tên cơ quan, đơn vị   | CHỈ TIÊU HDLD ĐƯỢC GIAO NĂM 2024 |                                                                        |                                     |                                                                                |                             | SỐ LDHD HIỆN CÓ |                                                                        |                                     |                                                                                |                             | SỐ CHỈ TIÊU CÒN CHƯA SỬ DỤNG |                                                                        |                                     |                                                                                |                             | KẾ HOẠCH NĂM 2025 |                                                                        |  |                       |                            |         |                            |         |                            |         | Ghi chú |                            |
|-----|-----------------------|----------------------------------|------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------|------------------------------------------------------------------------|--|-----------------------|----------------------------|---------|----------------------------|---------|----------------------------|---------|---------|----------------------------|
|     |                       | Tổng cộng                        | Khối cơ quan, tổ chức hành chính (HDLD theo ND111 làm hỗ trợ, phục vụ) | Khối đơn vị sự nghiệp               |                                                                                |                             | Tổng cộng       | Khối cơ quan, tổ chức hành chính (HDLD theo ND111 làm hỗ trợ, phục vụ) | Khối đơn vị sự nghiệp               |                                                                                |                             | Tổng cộng                    | Khối cơ quan, tổ chức hành chính (HDLD theo ND111 làm hỗ trợ, phục vụ) | Khối đơn vị sự nghiệp               |                                                                                |                             | Tổng cộng         | Khối cơ quan, tổ chức hành chính (HDLD theo ND111 làm hỗ trợ, phục vụ) |  | Khối đơn vị sự nghiệp |                            |         |                            |         |                            |         |         |                            |
|     |                       |                                  |                                                                        | HDLD theo ND111 làm hỗ trợ, phục vụ | HDLD làm chuyên môn, nghiệp vụ tại các đơn vị do NSNN đảm bảo (y tế; giáo dục) | HDLD định mức (làm cỏ nuôi) |                 |                                                                        | HDLD theo ND111 làm hỗ trợ, phục vụ | HDLD làm chuyên môn, nghiệp vụ tại các đơn vị do NSNN đảm bảo (y tế; giáo dục) | HDLD định mức (làm cỏ nuôi) |                              |                                                                        | HDLD theo ND111 làm hỗ trợ, phục vụ | HDLD làm chuyên môn, nghiệp vụ tại các đơn vị do NSNN đảm bảo (y tế; giáo dục) | HDLD định mức (làm cỏ nuôi) |                   |                                                                        |  | Tổng số               | Tăng/ giảm so với năm 2024 | Tổng số | Tăng/ giảm so với năm 2024 | Tổng số | Tăng/ giảm so với năm 2024 | Tổng số |         | Tăng/ giảm so với năm 2024 |
|     |                       |                                  |                                                                        |                                     |                                                                                |                             |                 |                                                                        |                                     |                                                                                |                             |                              |                                                                        |                                     |                                                                                |                             |                   |                                                                        |  |                       |                            |         |                            |         |                            |         |         |                            |
| 15  | UBND Huyện Đông Anh   | 956                              | 12                                                                     | 321                                 | 179                                                                            | 444                         | 819             | 11                                                                     | 292                                 | 145                                                                            | 371                         | 137                          | 1                                                                      | 29                                  | 34                                                                             | 73                          | 1 187             | 12                                                                     |  | 1 175                 | 342                        | 21      | 389                        | 210     | 444                        |         |         |                            |
| 16  | UBND Huyện Sóc Sơn    | 931                              | 20                                                                     | 446                                 | 53                                                                             | 412                         | 856             | 16                                                                     | 427                                 | 35                                                                             | 378                         | 75                           | 4                                                                      | 19                                  | 18                                                                             | 34                          | 974               | 20                                                                     |  | 954                   | 446                        |         | 96                         | 43      | 412                        |         |         |                            |
| 17  | UBND Huyện Ba Vì      | 1 063                            | 21                                                                     | 483                                 | 182                                                                            | 377                         | 832             | 19                                                                     | 372                                 | 66                                                                             | 375                         | 231                          | 2                                                                      | 111                                 | 116                                                                            | 2                           | 1 063             | 21                                                                     |  | 1 042                 | 483                        |         | 182                        |         | 377                        |         |         |                            |
| 18  | UBND Thị xã Sơn Tây   | 406                              | 23                                                                     | 199                                 | 11                                                                             | 173                         | 329             | 21                                                                     | 164                                 | 7                                                                              | 137                         | 77                           | 2                                                                      | 35                                  | 4                                                                              | 36                          | 398               | 23                                                                     |  | 375                   | 202                        | 3       |                            | - 11    | 173                        |         |         |                            |
| 19  | UBND Huyện Thạch Thất | 625                              | 12                                                                     | 273                                 | 81                                                                             | 259                         | 543             | 11                                                                     | 217                                 | 79                                                                             | 236                         | 82                           | 1                                                                      | 56                                  | 2                                                                              | 23                          | 679               | 12                                                                     |  | 667                   | 273                        |         | 135                        | 54      | 259                        |         |         |                            |
| 20  | UBND Huyện Phúc Thọ   | 601                              | 14                                                                     | 254                                 | 81                                                                             | 252                         | 513             | 9                                                                      | 212                                 | 63                                                                             | 229                         | 88                           | 5                                                                      | 42                                  | 18                                                                             | 23                          | 634               | 14                                                                     |  | 620                   | 254                        |         | 114                        | 33      | 252                        |         |         |                            |
| 21  | UBND Huyện Đan Phượng | 456                              | 23                                                                     | 206                                 | 20                                                                             | 207                         | 387             | 19                                                                     | 179                                 |                                                                                | 189                         | 69                           | 4                                                                      | 27                                  | 20                                                                             | 18                          | 468               | 23                                                                     |  | 445                   | 189                        | - 17    | 49                         | 29      | 207                        |         |         |                            |
| 22  | UBND Huyện Hoài Đức   | 748                              | 12                                                                     | 257                                 | 67                                                                             | 412                         | 582             | 10                                                                     | 201                                 | 58                                                                             | 313                         | 166                          | 2                                                                      | 56                                  | 9                                                                              | 99                          | 757               | 12                                                                     |  | 745                   | 260                        | 3       | 73                         | 6       | 412                        |         |         |                            |
| 23  | UBND Huyện Quốc Oai   | 698                              | 24                                                                     | 322                                 | 75                                                                             | 277                         | 641             | 24                                                                     | 291                                 | 74                                                                             | 252                         | 57                           |                                                                        | 31                                  | 1                                                                              | 25                          | 739               | 24                                                                     |  | 715                   | 322                        |         | 116                        | 41      | 277                        |         |         |                            |
| 24  | UBND Huyện Chương Mỹ  | 928                              | 24                                                                     | 374                                 | 175                                                                            | 355                         | 671             | 17                                                                     | 207                                 | 128                                                                            | 319                         | 257                          | 7                                                                      | 167                                 | 47                                                                             | 36                          | 1 005             | 24                                                                     |  | 981                   | 374                        |         | 252                        | 77      | 355                        |         |         |                            |
| 25  | UBND Huyện Thanh Oai  | 586                              | 12                                                                     | 237                                 | 89                                                                             | 248                         | 526             | 11                                                                     | 212                                 | 72                                                                             | 231                         | 60                           | 1                                                                      | 25                                  | 17                                                                             | 17                          | 627               | 12                                                                     |  | 615                   | 237                        |         | 130                        | 41      | 248                        |         |         |                            |
| 26  | UBND Huyện Thường Tín | 702                              | 13                                                                     | 302                                 | 109                                                                            | 278                         | 552             | 13                                                                     | 254                                 | 87                                                                             | 198                         | 150                          |                                                                        | 48                                  | 22                                                                             | 80                          | 801               | 13                                                                     |  | 788                   | 302                        |         | 208                        | 99      | 278                        |         |         |                            |
| 27  | UBND Huyện Ứng Hòa    | 679                              | 24                                                                     | 313                                 | 77                                                                             | 265                         | 623             | 14                                                                     | 278                                 | 77                                                                             | 254                         | 56                           | 10                                                                     | 35                                  |                                                                                | 11                          | 691               | 24                                                                     |  | 667                   | 313                        |         | 89                         | 12      | 265                        |         |         |                            |
| 28  | UBND Huyện Phú Xuyên  | 716                              | 15                                                                     | 296                                 | 73                                                                             | 332                         | 608             | 15                                                                     | 264                                 | 11                                                                             | 318                         | 108                          |                                                                        | 32                                  | 62                                                                             | 14                          | 765               | 15                                                                     |  | 750                   | 296                        |         | 122                        | 49      | 332                        |         |         |                            |
| 29  | UBND Huyện Mỹ Đức     | 859                              | 24                                                                     | 400                                 | 142                                                                            | 293                         | 785             | 21                                                                     | 345                                 | 134                                                                            | 285                         | 74                           | 3                                                                      | 55                                  | 8                                                                              | 8                           | 817               | 24                                                                     |  | 793                   | 379                        | - 21    | 121                        | - 21    | 293                        |         |         |                            |
| 30  | UBND huyện Mê Linh    | 782                              | 18                                                                     | 237                                 | 203                                                                            | 324                         | 773             | 15                                                                     | 231                                 | 203                                                                            | 324                         | 9                            | 3                                                                      | 6                                   |                                                                                |                             | 739               | 18                                                                     |  | 721                   | 249                        | 12      | 148                        | - 55    | 324                        |         |         |                            |
| D   | Chỉ tiêu dự phòng     |                                  |                                                                        |                                     |                                                                                |                             |                 |                                                                        |                                     |                                                                                |                             |                              |                                                                        |                                     |                                                                                |                             |                   |                                                                        |  |                       |                            |         |                            |         |                            |         |         |                            |